

HĐTL VN30 -QUẢN TÍNH GIẢM CHẬM DẦN

MBS Research | **BẢN TIN PHÁI SINH** | 15/11/2019



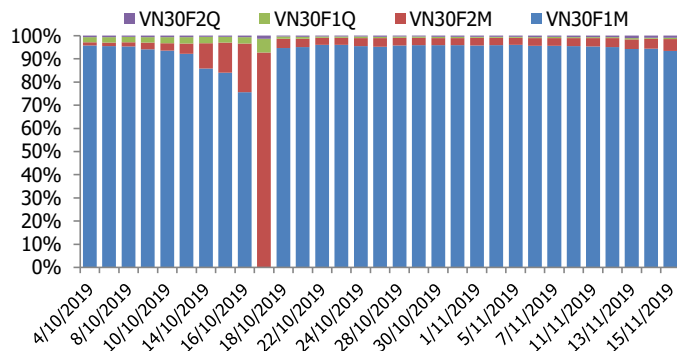
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F1911 | 11/21/2019 | 4 | 933.80 | 24,228 |
| VN30F1912 | 12/19/2019 | 32 | 935.50 | 1,327 |
| VN30F2003 | 3/19/2020 | 123 | 940.40 | 110 |
| VN30F2006 | 6/18/2020 | 214 | 939.30 | 250 |

TỶ TRỌNG VỊ THẾ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



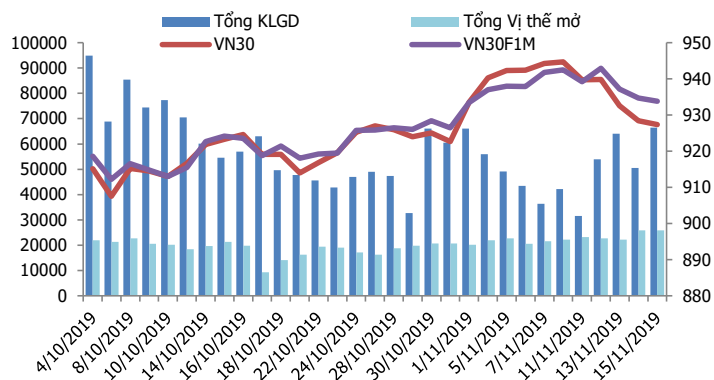
DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Sau những phút hồi phục cuối phiên sáng, thị trường lại một lần đảo chiều giảm điểm trong phiên buổi chiều. Các Bluechips không còn duy trì đà hồi phục, trong khi khối ngoại tiếp tục bán ròng đã ảnh hưởng không nhỏ tới tâm lý giới đầu tư. Đóng cửa, chỉ số VN-Index giảm 2,27 điểm (-0,22%) xuống 1.010,03 điểm, trong khi đó chỉ số VN30 giảm 1,08 điểm (-0,12%) xuống 927,36 điểm. Các cổ phiếu có tính thị trường như chứng khoán, bất động sản, xây dựng, dầu khí nhìn chung giao dịch khá phân hóa với sắc xanh, đỏ đan xen.
- VN30F1911 và VN30F1912 ghi nhận mức giảm từ 0,9 đến 1,2 điểm, tương đương với mức giảm 1,08 điểm của chỉ số cơ sở VN30. Do đó, basis của các HĐTL tiếp tục duy trì khoảng cách với chỉ số cơ sở, hiện nằm trong khoảng từ +6,44 điểm đến +13,04 điểm. Về cơ bản, nhịp điều chỉnh ngắn hạn chưa kết thúc, các trụ yếu đi nhiều hơn và không có xoay trụ, kết cục tất yếu là các chỉ số giảm với biên độ lớn hơn. Hệ số tăng/giảm cho thấy cổ phiếu điều chỉnh rộng theo xu hướng chung. Hiện tại, quản tính giảm của chỉ số đã chậm dần và đang được hỗ trợ ở vùng 930-933 điểm. Do vậy, chiến lược phái sinh cạnh Long tại vùng hỗ trợ 930-933 điểm, stoploss nếu chỉ số xuyên qua vùng 928 điểm.
- Về kỹ thuật, VN30-Index tiếp tục giảm điểm trong phiên giao dịch cuối tuần cùng khối lượng ở mức cao trên trung bình 20 phiên, điều này cho thấy lực cung được đẩy ra khá lớn. Chỉ số xuyên qua vùng hỗ trợ 928-930 điểm. Chỉ báo Relative Strength Index đã rơi khỏi trendline hỗ trợ, chỉ báo MACD đã cho tín hiệu bán nên khả năng điều chỉnh chưa kết thúc. Trong trường hợp xấu, khả năng chỉ số sẽ thoái lui về ngưỡng hỗ trợ mạnh 920 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

| | |
|--|---|
| Chiến lược giao dịch trong ngày | Nhịp điều chỉnh ngắn hạn của thị trường vẫn chưa kết thúc, do vậy, chiến lược vẫn là canh Short ở các nhịp hồi. Hoạt động Long quan sát tại ngưỡng hỗ trợ quanh 930-933 điểm. |
| Chiến lược giao dịch ngắn hạn | Thị trường diễn biến tương đối giằng co. Hoạt động giữ vị thế qua đêm chưa được khuyến khích |
| Chiến lược giao dịch spread | Hạn chế giao dịch chênh lệch giá và chờ đợi những tín hiệu mua bán rõ ràng hơn. |

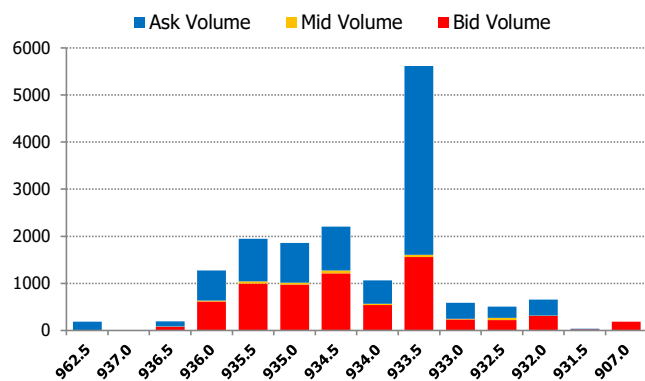
DIỄN BIẾN THANH KHOẢN HĐTL



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|-------|-------|--------|-------|--------|-------|
| VN30F1911 | 933.8 | -0.10 | 65,798 | 31.3 | 24,228 | -1 |
| VN30F1912 | 935.5 | -0.13 | 580 | 64.3 | 1,327 | 22.4 |
| VN30F2003 | 940.4 | 0.13 | 14 | -22.2 | 110 | -4.3 |
| VN30F2006 | 939.3 | 0.07 | 54 | 125.0 | 250 | 6.4 |
| Tổng | | | 66,446 | 31.5 | 25,915 | 0.1 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Áp lực bán gia tăng về cuối phiên khiến các HĐTL đảo chiều giảm điểm. VN30F1911 và VN30F1912 ghi nhận mức giảm từ 0,9 đến 1,2 điểm, tương đương với mức giảm 1,08 điểm của chỉ số cơ sở VN30. Do đó, basis của các HĐTL tiếp tục duy trì khoảng cách với chỉ số cơ sở, hiện nằm trong khoảng từ +6,44 điểm đến +13,04 điểm.
- Thanh khoản thị trường tăng mạnh so với phiên trước, tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường đạt 66.446 hợp đồng tăng 31,54%. Trong đó, thanh khoản tập trung nhiều ở hợp đồng tháng 11 với 65.798 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo cho phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F1911 là 928,25 điểm (thấp hơn 5,55 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F1912 là 932,41 điểm (-3,09 điểm), VN30F2003 là 946,05 điểm (+5,65 điểm) và VN30F2006 là 959,90 điểm (+20,60 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|----------------|----------------|----------------|
| Tổng kết | SELL | SELL | NEUTRAL |
| Hỗ trợ | 931-933 | 930-932 | 930-932 |
| Kháng cự | 936-939 | 940-942 | 946-951 |

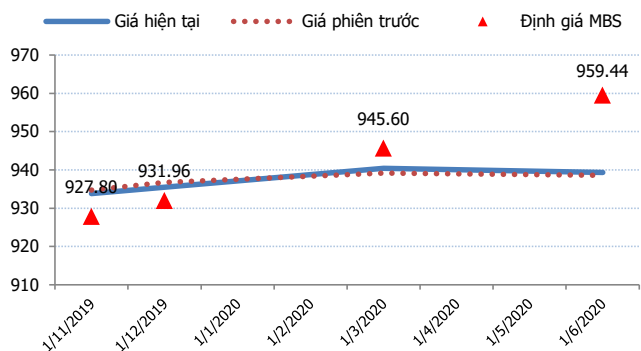
ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

| Spread HĐTL | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|-------------------|----------|-------------|------|------|
| VN30F2M - VN30F1M | 1.7 | 2.00 | -0.3 | 1.14 |
| VN30F1Q - VN30F1M | 6.6 | 4.50 | 2.1 | 3.02 |
| VN30F1Q - VN30F2M | 4.9 | 2.50 | 2.4 | 1.88 |
| VN30F2Q - VN30F1M | 5.5 | 3.90 | 1.6 | 3.06 |
| VN30F2Q - VN30F2M | 3.8 | 1.90 | 1.9 | 1.92 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -1.1 | -0.60 | -0.5 | 0.04 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



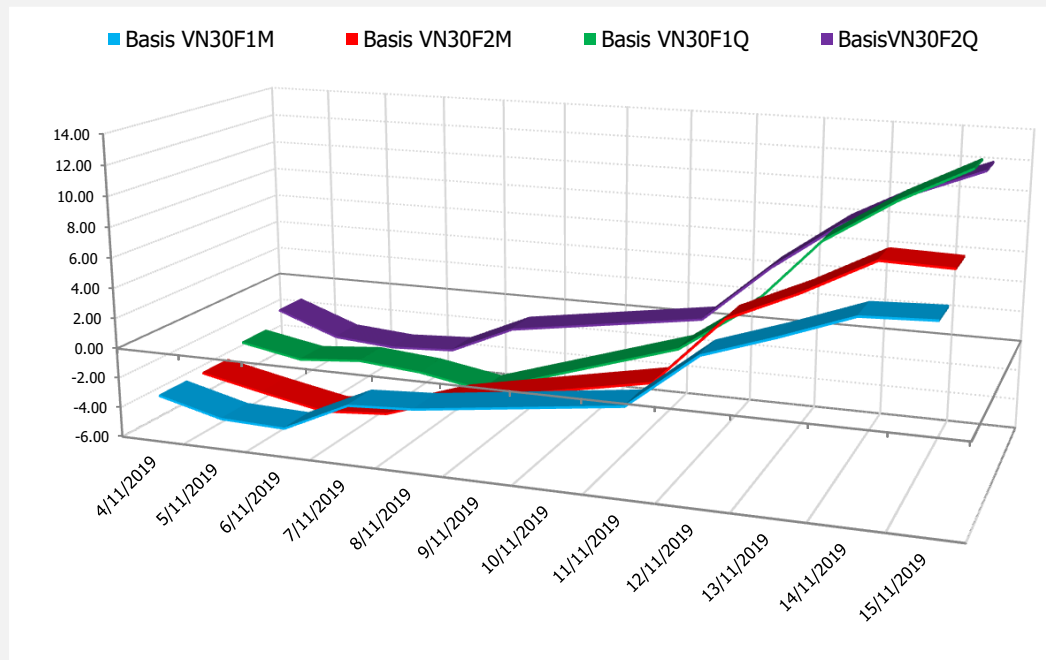
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

- Áp lực bán gia tăng về cuối phiên khiến các HĐTL đảo chiều giảm điểm. VN30F1911 và VN30F1912 ghi nhận mức giảm từ 0,9 đến 1,2 điểm, tương đương với mức giảm 1,08 điểm của chỉ số cơ sở VN30. Do đó, basis của các HĐTL tiếp tục duy trì khoảng cách với chỉ số cơ sở, hiện nằm trong khoảng từ +6,44 điểm đến +13,04 điểm. Cụ thể basis hợp đồng VN30F1911 tăng từ +6,26 điểm phiên trước lên +6,44 điểm phiên nay, trong khi basis hợp đồng kỳ hạn xa nhất VN30F2006 tiếp tục tăng gần 3 điểm từ +10,76 điểm lên +13,04 điểm. Với mức chênh lệch basis tương đối lớn, nhà đầu tư nắm giữ vị thế Long cần thận trọng trước khả năng hiệu chỉnh basis.
- Tương tự như các phiên trước, chênh lệch giá giữa các hợp đồng tương lai phiên hôm nay duy trì những biến động trong biên độ rất khiêm tốn. Trong phần lớn thời gian phiên giao dịch, các hợp đồng tiếp tục có những diễn biến đồng pha bám sát nhau. Đóng cửa, chênh lệch giá giữa các hợp đồng hiện đang nằm trong khoảng từ -0,3 điểm đến +2,4 điểm.

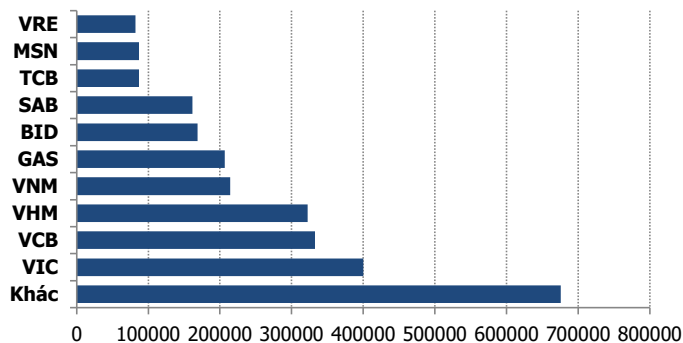
DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL



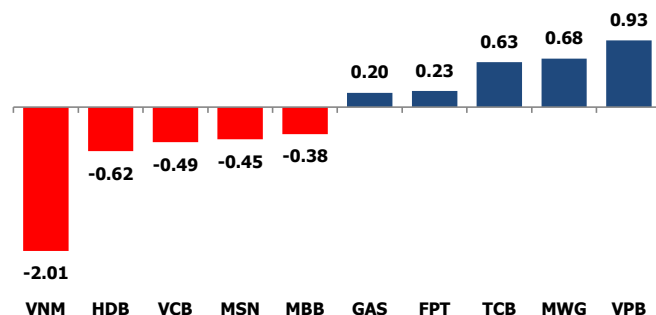
THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

| | VNIndex | VN30 |
|-----------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 1010.03 | 927.36 |
| Thay đổi | -2.27 | -1.08 |
| %Chg | -0.22 | -0.12 |
| YTD | 13.16 | 8.46 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 3,443.58 | 2,738.63 |
| P/E | 16.57 | 13.46 |
| P/B | 2.41 | 2.24 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Áp lực bán tiếp tục tăng mạnh tại các cổ phiếu Bluechips như VNM, VCB, BID, MSN, HDB,...khiến thị trường thiếu lực đỡ và tiếp tục giảm sâu. Sắc xanh le lói tại một vài cổ phiếu lớn như GAS, VIC, VPB là không đủ giúp thị trường tránh khỏi phiên điều chỉnh.
- Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 1,08 điểm (-0,12%) xuống 927,36 điểm. Hệ số tăng/giảm ghi nhận có 12 mã tăng/13 mã giảm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 78,86 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 3.771 tỷ đồng.
- Khối ngoại có phiên bán ròng với giá trị 154 tỷ đồng trên toàn thị trường, lực bán tập trung vào VNM (150 tỷ đồng), ROS (25 tỷ đồng), VIC (15,5 tỷ đồng)...Ở chiều ngược lại, lúc mua tập trung tại các mã như VRE, PVT, DIG, VCI,...

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30

Đồ thị kỹ thuật chỉ số VN30



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|-------------------|-----------|--------|-------|-------|
| VNIndex | 1,010.03 | (0.22) | 16.57 | 13.16 |
| Dow Jones | 28,004.89 | 0.80 | 19.28 | 20.05 |
| S&P500 | 3,120.46 | 0.77 | 20.69 | 24.48 |
| Nikkei 225 | 23,311.02 | 0.03 | 18.63 | 16.47 |
| Shanghai | 2,891.34 | (0.64) | 13.93 | 15.94 |
| DAX | 13,241.75 | 0.47 | 24.52 | 25.41 |
| Vàng | 1,467.41 | (0.05) | | 14.42 |
| Dầu WTI | 57.75 | 0.05 | | 27.17 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|------------------------------|----------|--------|---------|
| Thứ Hai - 18/11/2019 | | | |
| Hong Kong- Tỷ lệ thất nghiệp | 2.9% | | |
| Đức- Báo cáo NHTW | | | |
| Thứ Ba- 19/11/2019 | | | |
| Úc- Biên bản họp CSTT | | | |
| Mỹ- Giấy phép xây dựng | 1.391M | 1.385M | |
| Thứ Tư - 20/11/2019 | | | |
| Mỹ- Dự trữ dầu thô | 2.219M | | |
| Trung Quốc- Lãi suất PBOC | | | |
| Thứ Năm - 21/11/2019 | | | |
| Mỹ- Biên bản FOMC | | | |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Thị trường chứng khoán Mỹ đóng cửa ở mức cao kỷ lục mới trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu, khi lạc quan về khả năng Mỹ-Trung đạt thỏa thuận thương mại và cú tăng mạnh của cổ phiếu y tế cùng giữ vai trò chất xúc tác. Lúc đóng cửa, chỉ số Dow Jones tăng 0,8%, đạt 28.004,89 điểm. S&P 500 tăng 0,77%, đạt 3.120,46 điểm. Chỉ số Nasdaq tăng 0,73%, đạt 8.540,83 điểm.
- Các hợp đồng dầu thô tương lai quay đầu tăng mạnh vào ngày thứ Sáu (15/11) để ghi nhận đà tăng trong tuần qua, với sự lạc quan về khả năng đạt được thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung giai đoạn 1. Hợp đồng dầu thô ngọt nhẹ WTI giao tháng 12 trên sàn Nymex tăng 95 xu lên 57,72 USD/thùng. Tuần qua, hơn đôn này đã tăng 0.8%.
- Giá vàng giảm nhẹ vào ngày thứ Sáu (15/11), xóa bớt đà tăng trong tuần qua. Kết thúc phiên, hợp đồng vàng giao tháng 12 lùi 4,90 USD (tương đương 0,3%) xuống 1.468,50 USD/oz, nhưng vẫn tăng 0,4% trong tuần qua.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Độ rộng trong rổ VN30 khá cân bằng khi có 11 mã tăng điểm, 17 mã giảm điểm và 02 mã đứng giá. Trong đó, VNM, VCB và HDB là 3 cổ phiếu tác động tiêu cực nhất khiến chỉ số điều chỉnh mạnh. Ở chiều ngược lại, VPB, TCB và MWG là 3 mã duy trì được sắc xanh khi đóng cửa.

Phân tích kỹ thuật cổ phiếu VNM



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|-----------------------------------|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|-------|------|
| VNM | Food Producers | 9.21 | 123,000 | -2.30 | 5.00% | 294.12 | -2.01 | 22.25 | 7.86 |
| TCB | Banks | 8.44 | 24,900 | 0.81 | 2.25% | 33.611 | 0.63 | 9.36 | 1.48 |
| VIC | Real Estate Investment & Services | 7.98 | 119,600 | 0.25 | 1.68% | 28.577 | 0.19 | 75.24 | 5.13 |
| VJC | Travel & Leisure | 5.59 | 143,300 | -0.07 | 0.56% | 70.923 | -0.04 | 14.55 | 5.53 |
| HPG | General Industrials | 5.59 | 22,650 | 0.00 | 1.11% | 77.891 | 0.00 | 8.97 | 1.36 |
| VPB | Banks | 5.37 | 21,400 | 1.90 | 1.90% | 29.339 | 0.93 | 6.40 | 1.30 |
| VHM | Real Estate Investment & Services | 5.36 | 96,300 | -0.10 | 1.25% | 98.522 | -0.05 | 21.39 | 7.46 |
| MSN | Financial Services | 5.19 | 74,500 | -0.93 | 0.94% | 20.596 | -0.45 | 16.51 | 2.59 |
| MWG | Technology Hardware & Equipment | 5.08 | 118,500 | 1.46 | 1.46% | 56.24 | 0.68 | 14.24 | 4.65 |
| FPT | Fixed Line Telecommunications | 4.74 | 58,600 | 0.51 | 1.91% | 149.772 | 0.23 | 12.50 | 2.93 |
| MBB | Banks | 4.64 | 22,750 | -0.87 | 1.10% | 135.956 | -0.38 | 6.98 | 1.34 |
| VCB | Banks | 3.97 | 89,700 | -1.32 | 1.79% | 50.915 | -0.49 | 17.01 | 4.09 |
| NVL | Real Estate Investment & Services | 3.24 | 58,500 | 0.00 | 1.55% | 16.796 | 0.00 | 18.35 | 2.65 |
| EIB | Banks | 2.94 | 18,850 | 0.53 | 1.62% | 5.882 | 0.14 | 36.45 | 1.47 |
| HDB | Banks | 2.90 | 28,350 | -2.24 | 2.47% | 71.93 | -0.62 | 9.79 | 1.78 |
| STB | Banks | 2.88 | 10,700 | 0.00 | 1.41% | 17.258 | 0.00 | 6.94 | 0.74 |
| SAB | Beverages | 2.65 | 252,000 | 0.00 | 8.36% | 9.088 | 0.00 | 34.22 | 9.04 |
| VRE | General Retailers | 2.45 | 35,200 | 0.57 | 1.43% | 220.165 | 0.13 | 34.08 | 2.88 |
| PNJ | General Retailers | 2.26 | 85,300 | 0.35 | 1.06% | 34.728 | 0.07 | 17.63 | 4.61 |
| GAS | Oil & Gas Producers | 1.54 | 108,000 | 1.41 | 2.36% | 61.294 | 0.20 | 18.35 | 4.54 |
| BID | Banks | 1.07 | 42,000 | -1.18 | 1.67% | 26.585 | -0.12 | 19.91 | 2.55 |
| CTG | Banks | 0.96 | 21,700 | 0.46 | 1.86% | 54.693 | 0.04 | 13.22 | 1.09 |
| SSI | Financial Services | 0.96 | 21,100 | -1.63 | 1.66% | 34.489 | -0.15 | 11.92 | 1.11 |
| REE | Industrial Engineering | 0.94 | 37,100 | 0.68 | 0.95% | 24.265 | 0.06 | 6.61 | 1.16 |
| GMD | Industrial Transportation | 0.94 | 25,000 | 0.20 | 1.41% | 6.44 | 0.02 | 12.83 | 1.19 |
| ROS | Construction & Materials | 0.84 | 24,900 | -0.40 | 2.25% | 658.167 | -0.03 | 71.76 | 2.38 |
| SBT | Food Producers | 0.82 | 18,800 | 0.00 | 1.34% | 21.401 | 0.00 | 42.77 | 1.54 |
| BVH | Financial Services | 0.76 | 73,200 | 0.97 | 1.65% | 8.745 | -0.03 | 38.74 | 3.27 |
| CTD | Construction & Materials | 0.35 | 68,900 | -0.14 | 1.32% | 4.496 | -0.01 | 7.00 | 0.64 |
| DPM | Chemicals | 0.33 | 14,000 | -0.36 | 1.43% | 4.346 | -0.01 | 21.55 | 0.70 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | -Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45 |
| 8 | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| 9 | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601
[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)
Hotline: **1900 9088**

MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

| | | |
|-------------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Nguyễn Hòa Hợp | Chuyên viên nghiên cứu | hop.nguyenhoa@mbs.com.vn |
| Nguyễn Thị Hải Hà | Chuyên viên nghiên cứu | ha.nguyenthai@mbs.com.vn |